

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 103/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24-4-2026
Về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Duy Hồ.
- Bà Nguyễn Thị Phương Trang.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Kim Loan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân **khuvực 12 - Đồng Tháp** tham gia phiên tòa:* Bà Trương Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08/4 và 24/4/2026, tại **Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp**, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 512/2025/TLST-HNGĐ ngày 29/12/2025 về việc *ly hôn, tranh chấp về nuôi con* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 177/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh ngày 10/3/1997. Địa chỉ: **Ấp Q, xã T, tỉnh Vĩnh Long**. *Có đơn xin vắng mặt.*

2. Bị đơn: Anh **Phạm Nguyễn Quang L**, sinh ngày 22/02/1996. Địa chỉ: **Khóm B, phường H, tỉnh Đồng Tháp**. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Hồng N** trình bày:*

Chị **Nguyễn Thị Hồng N** và anh **Phạm Nguyễn Quang L** qua thời gian tự nguyện tìm hiểu, được sự chấp thuận của gia đình đã tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp** (nay là **Ủy ban nhân dân phường H, tỉnh Đồng Tháp**) vào ngày 10/3/2023.

Khi mới kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian sau này giữa hai người bất đồng trong suy nghĩ, quan điểm nên phát sinh nhiều

mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hiện nay giữa chị **N** và anh **L** không còn tình cảm với nhau, mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy hạnh phúc gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục chung sống, chị **N** yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Hồng N** yêu cầu được ly hôn với anh **Phạm Nguyễn Quang L**.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu **Phạm Nguyễn Bảo C**, giới tính nữ, sinh ngày 06/9/2023. Hiện tại cháu **C** đang sống cùng cha (anh **L**). Khi ly hôn, chị **N** đồng ý giao con chung cho anh **L** trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh **Phạm Nguyễn Quang L** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, anh **L** đều vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị **Nguyễn Thị Hồng N** được ly hôn với anh **Phạm Nguyễn Quang L**. Về con chung: Giao cháu **Phạm Nguyễn Bảo C**, sinh ngày 06/9/2023 cho anh **L** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo như sự tự nguyện của nguyên đơn và thực tế cháu **C** đang sống với anh **L**. Về cấp dưỡng: Do chị **N** không tự nguyện cấp dưỡng và anh **L** vắng mặt không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn cư trú tại **phường H, tỉnh Đồng Tháp** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của **Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp**, quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Hồng N** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh **Phạm Nguyễn Quang L** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Phạm Nguyễn Quang L là hợp pháp, được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ủy ban nhân dân phường H, tỉnh Đồng Tháp), phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng N, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của nguyên đơn, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, mạnh ai nấy sống, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập anh L nhiều lần để tham gia hòa giải và xét xử nhằm tạo điều kiện hàn gắn, nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do chính đáng, không gửi văn bản phản hồi. Thái độ bỏ mặc này cho thấy anh L không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

“Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

...”

[4] Về con chung: Chị N và anh L có 01 con chung là cháu Phạm Nguyễn Bảo C, sinh ngày 06/9/2023. Hiện nay cháu C đang sống cùng cha là anh L. Xét thấy, chị N có nguyện vọng giao con cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Để bảo đảm cho cháu C có điều kiện ổn định về môi trường sống, không làm xáo trộn sinh hoạt hiện tại của trẻ, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, việc giao cháu Phạm Nguyễn Bảo C cho anh L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp và bảo đảm quyền lợi ích chính đáng của con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị N xác định không tự nguyện cấp dưỡng cho con, bị đơn anh L vắng mặt không có yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh L không có văn bản ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 53, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Hồng N**. Cho chị **Nguyễn Thị Hồng N** được ly hôn với anh **Phạm Nguyễn Quang L**.

2. Về việc nuôi con chung: Anh **Phạm Nguyễn Quang L** được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu **Phạm Nguyễn Bảo C**, sinh ngày 06/9/2023.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Nguyễn Thị Hồng N** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011655 ngày 29/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Quốc Bình

